

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 3 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh;

2. Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:
Không có.

Trong các ngày 28 tháng 02 và ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 456/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2024, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Tuyết L, sinh năm: 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Phan Văn N, sinh năm: 1979 (vắng mặt lần thứ hai, không có lý do).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, biên bản phiên họp nguyên đơn chị Hồ Thị Tuyết L trình bày: Chị và anh Phan Văn N được sự mai mối của gia đình hai bên và anh chị đã tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 19/9/2013 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến

khoảng tháng 10/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, nguyên nhân là do anh N tham gia cờ bạc thiếu nợ nhiều người, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng không được. Do đó, mâu thuẫn phát sinh vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau nên tình cảm vợ chồng trở nên phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc, chị và anh N không còn sống chung với nhau từ đó cho đến nay, trong thời gian ly thân sống xa nhau anh chị không có hàn gắn tình cảm lại được. Chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mỗi người cần có cuộc sống riêng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn N theo quy định.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Phan Thị Minh A, sinh ngày 12/05/2014, hiện nay cháu Minh A đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh A đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị có đủ khả năng nuôi dưỡng cháu Minh A nên không có yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Phan Văn N*: Anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định gồm Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra giao nộp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng đến nay anh N vẫn cố tình vắng mặt (không có lý do), không đến Tòa án để tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa chị Hồ Thị Tuyết L và anh Phan Văn N làm phát sinh “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật, về thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ theo quy định cho anh Phan Văn N gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra giao nộp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa; nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt, không đến tham gia tố tụng tại Tòa án theo quy định.

Riêng chị Hồ Thị Tuyết L đã có đơn xin xét xử vắng mặt vào ngày 12/02/2025, do bận đi làm thuê mướn ở xa không về tham dự phiên tòa được.

Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L và anh N là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh N được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối; anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy, chị L và anh N đã ly thân với nhau từ tháng 10/2023 đến nay mà không có hàn gắn tình cảm vợ chồng lại được; nguyên nhân là anh N tham gia cờ bạc thiếu nợ nhiều người, không quan tâm chăm sóc cho gia đình vợ con, chị L đã nhiều lần khuyên can nhưng anh N không thay đổi, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Hiện nay chị L xác định không còn tình cảm với anh N, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N là phù hợp theo quy định pháp luật.

Đối với anh N trong thời gian sống ly thân đến nay anh không có tìm kiếm chị L để hàn gắn tình cảm vợ chồng, và không quan tâm đến việc chăm sóc con chung. Đồng thời, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N, nhưng anh đã cố tình vắng mặt không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm với chị L.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh N, là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

Vì vậy, căn cứ vào quy định trên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị Tuyết L đối với anh Phan Văn N là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Phan Thị Minh A, sinh ngày 12/05/2014, hiện nay cháu Minh A đang sống với chị L; đồng thời, chị L có yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh A đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị L không có yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ khả năng nuôi dưỡng cho cháu Minh A là phù hợp theo quy định.

Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho cháu Minh A và tránh việc thay đổi môi trường sống cho cháu; đồng thời, phù hợp với nguyện vọng của cháu Minh A là được tiếp tục sống với chị L. Do đó, giao cho chị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh A cho chị L đến cháu Minh A đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp theo quy định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày vợ chồng làm thuê mướn nên không có tài sản chung và nợ chung cũng không có, hiện nay chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau khi ly hôn anh N có tranh chấp tài sản thì khởi kiện bằng một vụ kiện khác; do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết, là phù hợp theo quy định pháp luật.

[6] Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình không có tham gia phiên tòa, vì trong quá trình tiến hành tố tụng đương sự tự giao nộp tài liệu, chứng cứ cho

Tòa án xem xét giải quyết theo quy định, nên Tòa án chưa tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình không có tham gia phiên tòa đối với vụ án, là phù hợp theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Hồ Thị Tuyết L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 21, 28, 35, 36, 39 và Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q, quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Tuyết L đối với anh Phan Văn N.

- Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Tuyết L được ly hôn với anh Phan Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Phan Thị Minh A, sinh ngày 12/05/2014 cho chị Hồ Thị Tuyết L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Minh A đủ 18 tuổi; anh Phan Văn N khỏi phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

Anh Phan Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Hồ Thị Tuyết L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn, được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo ký hiệu biên lai thu số: 0007148 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

- Anh Phan Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị L và anh N được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Bình Thành;
(ĐKKH số 167 ngày 19/9/2013)
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng và hồ sơ vụ án.

Phạm Thành Triều